

Số: /BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi là Đề án); Thực hiện Công văn số 604/BGDĐT-CNTT ngày 06/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022; Công văn số 825/UBND-KGVX ngày 19/02/2024 của UBND tỉnh về việc tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ quan báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông.
- Họ và tên người lập báo cáo: Trần Bảo Tâm; điện thoại di động: 0941.472008.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ngành Giáo dục đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, của UBND tỉnh nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nội dung, lộ trình, đơn vị thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ được giao. Việc triển khai Đề án đảm bảo về nội dung, đúng lộ trình và có những tác động tích cực trong việc thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ trong công tác tổ chức dạy học, quản lý các hoạt động giáo dục và quản trị nhà trường, góp phần tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân hình thành nền tảng số xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp cho mọi người dân. Công tác thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở giáo dục thông qua các cuộc kiểm tra chuyên đề, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học nhằm kịp thời giúp đỡ, tư vấn, điều chỉnh, tháo gỡ những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”, ngành

Giáo dục đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 20/5/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 58/KH-SGDĐT ngày 20/6/2022 về Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành GDĐT tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 để tổ chức thực hiện; các Sở, ban, ngành có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến GDĐT, các huyện, thành phố cũng xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện phù hợp với tình hình của đơn vị, địa phương.

Ngoài ra, hằng năm Sở GDĐT cũng đã tích cực, chủ động ban hành các kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, UBND tỉnh¹, trọng tâm là Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 01/11/2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch “Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025”.

UBND tỉnh cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo² và ban hành Quy chế hoạt động³, Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông; chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp để chỉ đạo kịp thời, khắc phục những hạn chế, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện⁴; ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông⁵. Căn cứ các văn bản chỉ đạo, Sở GDĐT đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các phòng thuộc Sở để thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông⁶; chỉ đạo các cơ sở giáo dục phân công viên chức thực hiện triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số ở mỗi đơn vị. Đồng thời, ngành cũng đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện

¹ Kế hoạch số 18/KH-SGDĐT ngày 09/02/2022 về Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 15/KH-SGDĐT ngày 31/01/2023 về Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch số 105/KH-SGDĐT ngày 04/12/2023 về Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024; Công văn số 1470/SGDĐT-VP ngày 14/9/2022 của về hướng dẫn nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và thông kê giáo dục năm học 2022-2023; Công văn số 1782/SGDĐT-VP ngày 25/9/2023 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thông kê giáo dục năm học 2023-2024; Công văn số 217/SGDĐT-VP ngày 01/12/2023 về triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số và Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên của Bộ GDĐT; Công văn số 36/SGDĐT -VP ngày 13/02/2023 về việc triển khai thực hiện kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 2.0 và kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh Đắk Nông phiên bản 1.0

² Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 và Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh.

³ Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 và Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh.

⁴ Sở GDĐT cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Giáo dục (Quyết định số Quyết định số 664/QĐ-SGDĐT ngày 31/5/2022, Quyết định kiện toàn số 11/QĐ-SGDĐT ngày 05/01/2024)

⁵ Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh.

⁶ Công văn số 1078/SGDĐT-VP ngày 04/7/2022;

và chỉ đạo tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao nhận thức và hành động trong toàn ngành.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, trên cơ sở thực hiện các văn bản của Trung ương, Bộ GDĐT và sự chỉ đạo của UBND tỉnh, ngành Giáo dục đã không ngừng triển khai các giải pháp nâng cao các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; trang bị các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số như đường truyền internet, máy vi tính, các phần mềm quản lý, các nền tảng dạy học; xây dựng các kho học liệu số chia sẻ dùng chung như bài giảng điện tử, học liệu đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

Sở GDĐT tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Sở GDĐT phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố trong việc triển khai thực hiện đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị đầu cuối đáp ứng dạy học môn Tin học và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo để thực hiện đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy học kịp thời đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục bố trí nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị đảm bảo các điều kiện để thực hiện chuyển đổi số. Trên cơ sở phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông⁷, Sở GDĐT đã đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý hồ sơ và tuyển sinh đầu cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông⁸. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển toàn diện hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin để phục vụ chuyển đổi số của tỉnh, trong đó có ngành giáo dục⁹.

Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục bao gồm dữ liệu số hóa về trường, lớp, giáo viên; học sinh, cơ sở vật chất, kết quả các kỳ thi, kế hoạch dạy học, kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả học tập, quản lý,... làm nền tảng thực hiện công tác chuyển đổi số. Tổ chức tập huấn, hội thảo về tổ chức dạy học trực tuyến các cơ sở giáo dục để trang bị những kiến thức, kỹ năng trong tổ chức dạy học trực tuyến cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên¹⁰. Tổ chức nghiên cứu, giới thiệu các

⁷ Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 7/9/2023 của UBND tỉnh.

⁸ Kinh phí là 1.275 triệu đồng.

⁹ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 662/KH-UBND ngày 13/10/2023 về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 để triển khai thực hiện.

¹⁰ Hiện có 84,34% giáo viên có máy tính, 96,71% giáo viên có đường truyền internet.

phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến mang tính tương tác cao, giúp học sinh chủ động tự học tại nhà. Triển khai kho bài giảng dạy học trực tuyến của hệ thống <https://lms.vnedu.vn>, itrithuc.vn cho giáo viên và học sinh khai thác sử dụng. 100% các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên được tập huấn phần mềm, công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến như: Microsoft Team, Google Meet, VNA-Elearning... Triển khai hiệu quả, đồng bộ hệ thống thư viện điện tử, cổng thông tin điện tử và hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, kịp thời trong công tác chỉ đạo, điều hành của ngành; khuyến khích các cơ sở giáo dục tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục trực tuyến: tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, họp hội đồng,... đồng thời quan tâm đến việc đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Các cơ sở giáo dục đã đảm bảo phương tiện, đường truyền, phần mềm đáp ứng yêu cầu về tham gia các hoạt động dạy và học trực tuyến. Hiện toàn ngành có 370 (chiếm 100%) cơ sở giáo dục được kết nối internet và có mạng wi-fi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh¹¹. Ngành Giáo dục đầu tư triển khai Hệ thống học tập trực tuyến VNA-Elearning¹² và các ứng dụng khác như Google Meet, Zoom, LMS... để tổ chức dạy học trực tuyến¹³. Các cơ sở giáo dục đã quan tâm đầu tư máy chiếu, tivi, máy vi tính, bảng tương tác cho các lớp học để ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học. Phối hợp cùng các đơn vị viễn thông trên địa bàn tỉnh có chính sách hỗ trợ miễn phí, giảm cước 4G cho học sinh, nhằm đảm bảo việc "tạm dừng đến trường nhưng không dừng học", huy động, kêu gọi doanh nghiệp, các nhà hảo tâm ủng hộ bằng vật chất, thiết bị di động thông minh hỗ trợ việc dạy - học trực tuyến¹⁴.

Đến nay, các cơ sở giáo dục phổ thông đều được trang bị máy tính đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tin học. Có 231/231 (chiếm 100%) cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT¹⁵. Tổng số máy tính được trang bị phục vụ dạy học môn Tin học là 5.326 máy tính, trong đó: cấp tiểu học là 1.726 máy tính (đáp ứng 47,32% nhu cầu tối thiểu), cấp THCS là 2.143 máy tính (đáp ứng 44,41% nhu cầu tối thiểu), cấp THPT là 1.456 máy tính (đáp ứng 44,65% nhu cầu tối thiểu).

b) Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

Số lượng máy tính phục vụ dạy học môn Tin học tại các cơ sở giáo dục còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu, đa số máy tính hiện đã lỗi thời về cấu hình, hư hỏng. Kinh phí để mua sắm trang thiết bị dạy học đối với bộ môn Tin học khá lớn nên việc đầu tư mua sắm gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế, công tác xã hội hóa tuy đã triển khai nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, còn có sự chênh lệch giữa các trường, các xã trên địa bàn huyện của tỉnh.

¹¹ Hiện Tập đoàn Viễn thông Quân đội-Viettel đang tài trợ đường truyền internet miễn phí cho 302 cơ sở giáo dục với kinh phí 330.000đ/tháng/cơ sở giáo dục.

¹² Phối hợp với Công ty cổ phần công nghệ quốc tế VNA - Trung tâm dữ liệu Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.

¹³ Toàn tỉnh có 12 nền tảng dạy học trực tuyến (VNA, Elearning, Google Meet, MS Team, Zoom, Classroom, Smart test, Azota, K12 online, webex, zalo)

¹⁴ Tổng số máy tính bảng hỗ trợ cho học sinh từ chương trình sóng và máy tính cho em là 13.834 máy.

¹⁵ Mức 1: 6/231 cơ sở giáo dục (chiếm 2,6%); Mức độ 2: 191/231 cơ sở giáo dục (chiếm 82,7%); Mức độ 3: 34/231 cơ sở giáo dục (chiếm 14,7%).

Đường truyền internet và máy tính của gia đình phụ huynh học sinh vẫn chưa đáp ứng được. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế - xã hội của người dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Một số địa bàn các thôn, bon nằm ở vùng trũng, đồi núi nên chất lượng, tín hiệu internet chưa đáp ứng được nhu cầu học trực tuyến của học sinh.

2. Kết quả chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Kết quả đạt được

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, UBND tỉnh về chuyển đổi số hoạt động dạy - học, Sở GDĐT đã triển khai chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục khai thác các nền tảng phục vụ dạy và học miễn phí hoặc ưu tiên cho giáo dục¹⁶, thường xuyên khai thác các thông tin, tài liệu trên môi trường mạng internet (như google, youtube...). Việc ứng dụng các nền tảng dạy học trực tuyến chủ yếu thực hiện trên ứng dụng Google Meet, MS Team, VNA -Elearning do có sự ổn định về đường truyền, có độ bảo mật cao, dễ sử dụng đối với giáo viên và học sinh¹⁷. Sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS), đã cấp tài khoản cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên các cấp để tập huấn các nội dung theo Chương trình GDPT 2018.

Các cơ sở giáo dục đã tham khảo, khai thác, sử dụng bài giảng điện tử đáp ứng yêu cầu của Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử đưa lên kho học liệu số, triển khai bài giảng điện tử sử dụng thường xuyên trong quá trình dạy và học. Tăng cường xây dựng học liệu số (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học), đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của tỉnh và của Bộ GDĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá (<https://igiaoduc.vn>). Toàn ngành thúc đẩy phát triển học liệu số phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, nghiên cứu khoa học ở tất cả các cấp học, môn học gắn với việc thẩm định nội dung, kết nối, chia sẻ học liệu giữa các cơ sở giáo dục; bước đầu hình thành kho học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn ngành. Đến nay, tổng số học liệu dùng chung của ngành hiện có là 16.404 học liệu.

Trên cơ sở Thông tư số 09/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, ngành Giáo dục chỉ đạo các cơ sở giáo dục khi tổ chức dạy học trực tuyến phải đáp ứng mức độ cần đạt được của chương trình, đảm bảo về điều kiện hạ tầng kỹ thuật tối thiểu để phục vụ giảng dạy và tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thông tin, về dữ liệu thông tin cá nhân của học sinh tham gia. Hiện có 200/231 (chiếm 86,5%) cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch và duy trì dạy học trực tuyến, bồi dưỡng thêm, giao bài và hướng dẫn bài tập về nhà cho học sinh¹⁸. Tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số. Sở GDĐT đã chỉ đạo giáo viên chủ động, tích cực thực hiện việc dạy học trực tuyến trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến VNA-Elearning nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ

¹⁶ Sử dụng mail có tên miền @moet.edu.vn.

¹⁷ Có 66,22% học sinh tham gia các nền tảng dạy học trực tuyến.

¹⁸ Tỷ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến bậc tiểu học chiếm 14,7%, bậc trung học chiếm 41,8%.

chương trình kế hoạch giáo dục. Tiến hành xây dựng bài giảng mẫu trên hệ thống VNA-Elearning. Giáo viên tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh như: giáo viên giao bài cho học sinh tự học; giáo viên trả lời, giải đáp các câu hỏi của học sinh; tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh; biên soạn học liệu (bài giảng điện tử, bài giảng video, tài liệu điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác...) tải lên hệ thống quản lý học tập trực tuyến để thực hiện kết hợp học trên lớp và học trực tuyến. Giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổ chức các hoạt động học tập. Hiện nay, hầu hết các tiết học đều được giáo viên sử dụng công nghệ thông tin để giảng dạy. Việc ứng dụng công nghệ thông tin (thí nghiệm ảo, thí nghiệm mô phỏng, tranh ảnh điện tử, video...) đã góp phần khắc phục tình trạng không đủ thiết bị dạy học, hoặc những thí nghiệm khó thực hiện, độc hại, thời gian kéo dài...

Để nâng cao năng lực chuyển đổi số trong ngành Giáo dục, Sở GDĐT yêu cầu các cơ sở giáo dục đẩy mạnh việc kiểm tra đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện thi trên máy tính đối với các bài thi định kỳ ở những nơi có nhu cầu và đảm bảo tổ chức thực hiện. Kết quả có 87/231 (chiếm 37,7%) cơ sở giáo dục triển khai hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính.

b) Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

Do điều kiện kinh phí còn hạn chế, các cơ sở giáo dục chủ yếu triển khai nền tảng dạy học trực tuyến miễn phí Google Meet, Zoom Cloud Meetings, MS Team dẫn đến việc quản lý, xây dựng kho học liệu số chưa bài bản, khoa học. Hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin ở các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn còn hạn chế, một số nhu cầu phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục chưa đáp ứng như các công nghệ công nghệ thực tế ảo, công nghệ 3D.

Hiện còn một số giáo viên còn hạn chế về kiến thức công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng các phần mềm, xây dựng bài giảng điện tử để phục vụ dạy học trực tuyến cùng tâm lý ngại đổi mới nên kết quả chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học chưa đạt mục tiêu đề ra.

3. Kết quả chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu

a) Kết quả đạt được

Ngành Giáo dục đã triển khai áp dụng các hệ thống quản trị dựa trên cơ sở dữ liệu và công nghệ số thông qua các phần mềm quản trị phục vụ công tác quản lý như: báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đã triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, tận dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của các trường học. Hiện, Sở GDĐT đang triển khai áp dụng 11 phần mềm để thực hiện chuyển đổi số trong

hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu¹⁹. Triển khai đồng bộ, hoàn thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành được cập nhật đầy đủ thông tin của 370 cơ sở giáo dục, 11.018 hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và 187.122 hồ sơ học sinh và được định danh thống nhất. 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thực hiện việc quản trị nhà trường đồng bộ, thống nhất sử dụng văn bản điện tử, hồ sơ quản lý giáo dục: Sổ theo dõi và đánh giá (sổ điểm) điện tử, học bạ điện tử, sổ chủ nhiệm điện tử, hoá đơn điện tử (quản lý thu phí), kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý thư viện, quản lý kế hoạch giáo dục, sổ hóa văn bằng, chứng chỉ, quản lý các kỳ thi đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời²⁰. Hiện nay, ngành đã triển khai chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở là 35/35 đơn vị (đạt tỷ lệ 100%). Phối hợp với VNPT Đắk Nông đã xây dựng và triển khai chính sách cung cấp dịch vụ "Chữ ký số VNPT SmartCA" miễn phí cho 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Giáo dục trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đắk Nông.

Các cơ sở giáo dục đã triển khai thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt; 100% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục, gồm các phân hệ: quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ quản lý²¹, cơ sở vật chất²², quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, quản lý kế toán, quản lý thư viện, quản lý công tác kiểm định chất lượng, phổ cập giáo dục và được kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. Hiện có 231/231 (đạt 100%) số cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm quản trị trường học; số cơ sở giáo dục phổ thông triển khai sổ điểm điện tử là 188/231 (đạt tỷ lệ 81.4%); số cơ sở giáo dục phổ thông triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt là 206/231 đơn vị (đạt tỷ lệ 89.17%). 100% trường học, giáo viên phổ thông được trang bị nền tảng quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình GDPT 2018 và bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến²³. Triển khai sử dụng phần mềm đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cả đăng trực tuyến. Hiện có 34/34 cơ sở giáo dục có cấp THPT thực hiện, số lượng hồ sơ đăng kí trực tuyến hàng năm đạt trên 99,5%.

Sở GDĐT đã triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo cơ sở dữ liệu ngành được kết nối thông suốt với các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục, chia sẻ dữ liệu thông suốt

¹⁹ Như: Phần mềm Quản lý các tổ chức tư vấn du học; Phần mềm số hóa văn bằng, chứng chỉ; Phần mềm tuyển sinh đầu cấp; Phần mềm chấm thi trắc nghiệm; Phần mềm quản lý đề thi trực tuyến/Quản lý ngân hàng đề thi; Phần mềm tổng hợp Báo cáo tài chính; Phần mềm quản lý tiền lương; Phần mềm kế toán MISA; Phần mềm quản lý tài sản MISA; Phần mềm cơ sở dữ liệu ngành; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Đắk Nông; Phần mềm VnEdu; phần mềm TEMIS; Hệ thống Website ngành Giáo dục và hệ thống hội nghị trực tuyến.

²⁰ Sở GDĐT đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục điện tử trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 22/QĐ-SGDĐT ngày 11/01/2024)

²¹ Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số định danh thống nhất là 10.393 nhà giáo, đạt tỉ lệ 94,33%.

²² Có 370 cơ sở giáo dục sử dụng phần mềm quản lý tài sản (misa) để quản lý hồ sơ đối với cơ sở vật chất, thiết bị, đạt 100%.

²³ Phần mềm tại địa chỉ <https://taphuan.cSDL.edu.vn>

với các cơ sở dữ liệu của tỉnh và quốc gia. Triển khai kết nối cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục với hệ thống điều hành thông minh IOC (<https://ioc.daknong.gov.vn>) của tỉnh và ứng dụng DAKNONG-C qua đó đã triển khai giúp giáo viên, học sinh, phụ huynh thuận tiện trong việc truy cập tra cứu được các ứng dụng như: Trang thông tin điện tử, tra cứu điểm thi, tra vị trí trường học, nộp học phí, kết nối hệ thống vnEduConnect.

b) Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

Ngành Giáo dục đã triển khai thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt, tuy nhiên, tỉ lệ tham gia của người dân chưa cao do một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh ở xa trung tâm, điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn nên việc triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Việc xây dựng các phần mềm thực hiện chuyển đổi số theo đặc thù của ngành nên mất nhiều thời gian chạy thử, kiểm thử, đánh giá... Nguồn kinh phí không đủ để thực hiện tổng thể các giải pháp chuyển đổi số.

Việc khai thác, áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu của một số cơ sở giáo dục còn hạn chế do nhiều cơ sở giáo dục không có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin. Việc triển khai sử dụng học bạ điện tử chưa được hoàn thiện do các cơ sở giáo dục chưa có đủ kinh phí để cấp chứng thư số cho đội ngũ giáo viên, nhân viên.

4. Kết quả triển khai dịch vụ trực tuyến

a) Kết quả đạt được

Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDĐT để triển khai thực hiện như: Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDĐT; Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDĐT; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giáo dục trung học thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở GDĐT; Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực GDĐT hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở GDĐT; Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở GDĐT; Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở GDĐT.

Đến nay, tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở GDĐT là 84 thủ tục, trong đó có 84 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đạt tỷ lệ 100% (dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 27 thủ tục, đạt tỷ lệ 32%; dịch vụ công trực tuyến một phần là 57 thủ tục, đạt tỷ lệ 68%). Có 01 thủ tục hành chính có phí nhưng không phát sinh hồ sơ và thuộc dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến, do

đó không phát sinh thanh toán phí, lệ phí trên Công dịch vụ công quốc gia.

Tính từ 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023, Sở GDĐT tiếp nhận và giải quyết hồ sơ phát sinh 749 thủ tục hành chính, trong đó số hồ sơ nộp trực tuyến là 655 đạt tỷ lệ 87%; hồ sơ được giải quyết và trả kết quả trước hạn và đúng hạn 732, tỷ lệ 98%.

Nhìn chung, công tác triển khai dịch vụ trực tuyến, giải quyết thủ tục hành chính tại Sở GDĐT đã được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo triển khai toàn diện, việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện hiệu quả; kịp thời, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu, tìm hiểu, thực hiện thủ tục hành chính. Kết quả các tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của Sở GDĐT đạt 100% (Rất hài lòng đạt 93%, Hài lòng đạt 7%)²⁴. Tỷ lệ người học, phụ huynh, các tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến trên môi trường số của các cơ quan quản lý giáo dục đạt 100%; tỷ lệ người học, phụ huynh, các tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến trên môi trường số của các cơ sở giáo dục đạt 95%. Về cơ bản, ngành Giáo dục không nhận được sự phản ánh của người dân, học sinh đối với việc giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền.

b) Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.

Hiện nay, có 01 thủ tục hành chính "Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non", mã số: 1.001942.000.00.00.H03 chưa quy định mức phí cụ thể. Đề nghị Bộ GDĐT ban hành văn bản quy định mức thu phí cụ thể đối với thủ tục hành chính này nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trên Công dịch vụ công quốc gia.

Vệc ứng dụng công nghệ thông tin đã được quan tâm, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu để phát huy hiệu quả các phần mềm điện tử nhằm nâng cao chất lượng thực hiện dịch vụ trực tuyến do một số cơ sở giáo dục chưa đảm bảo các điều kiện triển khai dịch vụ công trực tuyến (như thiếu máy tính, camera, máy in, máy quét) vì không bố trí được kinh phí để thực hiện.

Một số cơ sở giáo dục đóng chân trên địa bàn có điều kiện khó khăn, khả năng tiếp cận với triển khai dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế so yêu cầu.

5. Kết quả phát triển nguồn nhân lực

a) Kết quả đạt được

Ngành Giáo dục đã chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên về kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, khai thác dữ liệu và sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ quản lý và dạy học. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp các Mô đun của Chương trình GDPT 2018, hướng dẫn giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông tự bồi dưỡng các Mô đun qua hệ thống bồi dưỡng trực tuyến LMS với sự hỗ trợ của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cốt cán. Ngoài ra, Sở đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, thảo luận với đồng nghiệp ở trường, cụm trường về ứng dụng công nghệ thông tin, các nội dung được học tập qua

²⁴ Công văn số 1819/SGDĐT-VP ngày 27/9/2023 về việc khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

mạng và ứng dụng trong quá trình giảng dạy, quản lý; hướng dẫn giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán được phân công hỗ trợ đồng nghiệp tiến hành xây dựng kế hoạch và thực hiện hỗ trợ đồng nghiệp. Sở đã tổ chức tập huấn cho đối tượng là lãnh đạo, chuyên viên các phòng thuộc Sở, lãnh đạo và chuyên viên các Phòng GDĐT, lãnh đạo, tổ trưởng chuyên môn của tất cả các trường THCS, THPT trong toàn tỉnh phần mềm VNA-Elearning; hướng dẫn tổ chức dạy học trực tuyến đối với giáo viên phổ thông; triệu tập giáo viên tham gia tập huấn tổ chức dạy học trực tuyến cho giáo viên trung học theo chỉ đạo của Bộ GDĐT; tổ chức tập huấn dạy học trực tuyến, dạy học qua truyền hình cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp tiểu học. Qua đó, những giáo viên cốt cán trên triển khai lại cho các giáo viên theo cụm và trong trường học của mình.

Kết quả có 6.628 giáo viên (chiếm tỷ lệ 100%) được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng ELearning, video bài giảng, thiết bị dạy học số là 4.640 giáo viên (chiếm tỷ lệ 70%); số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục là 7.371 cán bộ, giáo viên (chiếm tỷ lệ 100%); số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin là 7.371 cán bộ, giáo viên (chiếm tỷ lệ 100%).

Sở GDĐT đã triển khai cho các cơ sở giáo dục phân công viên chức phụ trách triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại đơn vị mình; đồng thời, tổ chức tập huấn (các đơn vị trực thuộc gồm lãnh đạo trường và 01 giáo viên Tin học phụ trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số của đơn vị; các Phòng GDĐT, mỗi phòng gồm 01 lãnh đạo phòng, 01 lãnh đạo trường THCS và 01 lãnh đạo trường tiểu học) về công tác chuyển đổi số và an toàn thông tin để sau đó các đơn vị về tổ chức tập huấn lại cho các đơn vị, số cán bộ chuyên trách cốt cán được tập huấn là 92 người (chiếm tỷ lệ 100%).

b) Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin cũng như các giải pháp về bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin để đáp ứng việc yêu cầu chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin tại các cơ sở giáo dục còn hạn chế. Chưa tổ chức được nhiều lớp tập huấn nâng cao về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số. Việc triển khai thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số chưa thực hiện được do đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục còn thiếu so với quy định.

Nhận thức của một số bộ phận cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục về chuyển đổi số còn hạn chế, một số cán bộ quản lý đã lớn tuổi nên có nhiều hạn chế về tiếp cận công nghệ thông tin, một số cán bộ quản lý trẻ còn có sự thận trọng trong việc đổi mới.

(Có biểu số liệu thống kê kèm theo)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Thủ tướng Chính phủ

Đắk Nông là tỉnh còn nhiều khó khăn, do đó, ngân sách của tỉnh đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế (số lượng học sinh tăng nhanh hằng năm và trang thiết bị vừa thiếu, vừa không đồng bộ; các thiết bị dạy học được cung cấp chủ yếu từ năm 2010 trở về trước từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn trước). Để thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018, tỉnh Đắk Nông đề nghị Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành liên quan ưu tiên phân bổ kinh phí, trang thiết bị cho ngành Giáo dục Đắk Nông để đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

2. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đề nghị Bộ GDĐT hướng dẫn, tạo điều kiện để tỉnh được kết nối Cơ sở dữ liệu ngành GDĐT của Bộ GDĐT (csdl.moet.gov.vn) với Hệ thống điều hành thông minh IOC và Cổng dữ liệu mở tỉnh Đắk Nông theo quy định.

Có chế, chính sách hoặc các đề án, dự án cung cấp thiết bị, phần mềm phục vụ chuyển đổi số cho các cơ sở giáo dục ở Vùng Tây Nguyên và các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

Tăng cường công tác tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số ngành Giáo dục.

Ban hành quy định chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến, công nhận kết quả học trực tuyến (khác với học truyền thống); quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn).

Cần có sự kiểm soát sát sao và toàn diện về học liệu số. Hiện đang xảy ra rất nhiều tình trạng về học liệu số tràn lan, thiếu tính xác thực và không được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng cũng như nội dung.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”, Sở Giáo dục và Đào tạo kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT Cục CNTT (b/cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng GDĐT các huyện, TP;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP (Tâm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu

Phụ lục
BIỂU SỐ LIỆU THỐNG KÊ KẾT QUẢ SAU 02 NĂM THỰC HIỆN
QUYẾT ĐỊNH 131/QĐ-TTg NGÀY 25/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

| STT | Nội dung triển khai | Kết quả (số liệu) |
|-----|---|---|
| 1. | Số lượng nhà giáo (giáo viên) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến | - Tổng số giáo viên có máy tính: 7.661, đạt tỉ lệ: 84,34% - Tổng số giáo viên có đường truyền Internet: 8.899, đạt tỉ lệ: 96,71% |
| 2. | Người học (học sinh) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/đường truyền Internet/phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến | - Tổng số học sinh có máy tính: 64.450, đạt tỉ lệ: 42,82% - Tổng số học sinh có đường truyền Internet: 72.547, đạt tỉ lệ: 48,20% |
| 3. | Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến | - Số nền tảng: 12 (VNA, Elearning, Google Meet, MS Team, Zoom, Classroom, Smart test, Azota, K12 online, webex, zalo) - Số nền tảng là sản phẩm trong nước: 07. - Số lượng học sinh/sinh viên tham gia sử dụng nền tảng 99.676, đạt tỉ lệ: 66,22% |
| 4. | Cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến | Tỉnh không có cơ sở giáo dục đại học |
| 5. | Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến | - Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc tiểu học chiếm 14,7% - Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc trung học chiếm 41,8% |
| 6. | Triển khai học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc ²⁵ | Tỉnh không có cơ sở giáo dục đại học |
| 7. | Triển khai đào tạo người học lấy văn bằng đại học thứ hai tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc (trong đó, thời lượng đào tạo | Tỉnh không có cơ sở giáo dục đại học |

²⁵ Cơ sở giáo dục đại học do địa phương trực tiếp quản lý

| STT | Nội dung triển khai | Kết quả (số liệu) |
|-----|--|---|
| | <i>bằng hình thức trực tuyến >=50%)</i> | |
| 8. | Triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số | <p>Nếu có,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số cơ sở giáo dục đã triển khai: 370, đạt tỉ lệ: 100% - Số lượng người học được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 145.006 đạt tỉ lệ: 96,33% - Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 10.393 đạt tỉ lệ: 94,33% - Số lượng các cơ sở giáo dục đào tạo quản lý hồ sơ số đối với cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu: 370, đạt tỉ lệ: 100% - Số lượng hồ sơ công việc tại cấp Sở được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số: 5.213, đạt tỉ lệ: 90% - Số lượng hồ sơ công việc tại cấp Phòng được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số: 9.089, đạt tỉ lệ: 88% |
| 9. | Triển khai dịch vụ hỗ trợ người học, người dân | <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán): 27, đạt tỉ lệ: 32% - Số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4: 732, đạt tỉ lệ: 98% - Số lượng (ước tính) người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt tỉ lệ: 95% - Số lượng (ước tính) tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt tỉ lệ: 100%. |